SAO Y; ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN; 23/12/2023 09:35:13

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: 5415 /QĐ-BNN-BVTV	*Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Đề án phát triển sản xuất và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Cục trưởng Bảo vệ thực vật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt "Đề án phát triển sản xuất và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050" với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

Phát triển sản xuất và sử dụng thuốc BVTV sinh học là xu hướng tất yếu trên toàn cầu, là nhiệm vụ quan trọng tạo nền tảng, động lực cho phát triển nông nghiệp an toàn và bền vững, giảm thiểu tác hại, hậu quả của việc sử dụng thuốc BVTV hóa học, bảo vệ môi trường và phát triển đa dạng sinh học. Ưu tiên phát triển sản xuất và sử dụng thuốc BVTV sinh học trên cơ sở nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, nguồn sinh vật có ích của Việt Nam.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh sản xuất và sử dụng thuốc BVTV sinh học góp phần phát triển một nền nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái, an toàn và bền vững; nâng cao tiềm lực nghiên cứu, ứng dụng và làm chủ công nghệ hiện đại trong sản xuất và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Nâng tỷ lệ sản phẩm thuốc BVTV sinh học trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam lên 30% so với tổng số thuốc BVTV.

b) Tăng lượng sử dụng thuốc BVTV sinh học lên 30% so với tổng lượng thuốc BVTV sử dụng.

c) Nâng tỷ lệ các cơ sở sản xuất thuốc BVTV sinh học lên 90% so với tổng số cơ sở sản xuất thuốc BVTV đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc BVTV.

d) Ít nhất 80% các địa phương tập huấn về sử dụng thuốc BVTV sinh học an toàn và hiệu quả cho người sử dụng.

e) Xây dựng được mô hình sử dụng thuốc hiệu quả trên 9 nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia (lúa, cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, chè, cây ăn quả, rau, sắn).

3. Tầm nhìn đến 2050

Phấn đấu Việt Nam trở thành quốc gia có tỷ lệ sử dụng thuốc BVTV sinh học dẫn đầu trong trong khu vực. Các cơ sở sản xuất thuốc BVTV sinh học quy mô công nghiệp có công nghệ, trang thiết bị hiện đại, chủ động sản xuất được các thuốc BVTV sinh học tiên tiến đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

III. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thuốc BVTV

Rà soát, sửa đổi, bổ sung một số văn bản về quản lý thuốc BVTV, Quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn quốc gia, Tiêu chuẩn cơ sở về khảo nghiệm và kiểm định thuốc BVTV.

Xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn về phương pháp thử đối với các thuốc BVTV sinh học đã có trong Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam.

Từng bước hình thành hệ thống tổ chức chứng nhận của Việt Nam được thừa nhận bởi các quốc gia nhập khẩu, tổ chức chứng nhận quốc tế. Phấn đấu hài hòa các phương pháp thử với các phòng thử nghiệm quốc tế.

Xây dựng cơ chế phối kết hợp, liên kết giữa các doanh nghiệp, người dân, đơn vị nghiên cứu, cơ quan quản lý, chính quyền địa phương trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất và sử dụng thuốc BVTV sinh học.

2. Đẩy mạnh phát triển sản xuất, sử dụng thuốc BVTV sinh học

a) Đa dạng hóa các loại sản phẩm thuốc BVTV sinh học

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đăng ký, khảo nghiệm và đưa thuốc BVTV sinh học vào Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam.

Hỗ trợ, tạo điều kiện cho việc nhập khẩu nghiên cứu, thử nghiệm các thuốc BVTV sinh học vi sinh, thảo mộc để phục vụ cho quá trình đăng ký, sản xuất thuốc BVTV sinh học. Tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có này có thể tạo ra nhiều sản phẩm thuốc BVTV sinh học có giá trị sử dụng cao.

b) Thúc đẩy sản xuất các thuốc BVTV sinh học

Khuyến khích xây dựng mới, mở rộng quy mô công suất sản xuất của các nhà máy sản xuất thuốc BVTV sinh học.

Nghiên cứu, phát triển công nghệ sản xuất, sử dụng chế phẩm sinh học, vi sinh vật, thảo mộc tận dụng tối đa các nguyên liệu sẵn có để sản xuất nhằm chủ động trong hoạt động sản xuất các thuốc BVTV sinh học.

c) Sử dụng thuốc thuốc BVTV sinh học

Xây dựng quy trình và hướng dẫn sử dụng các thuốc BVTV sinh học cho một số cây trồng có giá trị kinh tế và tiềm năng xuất khẩu nhằm mục đích khuyến khích sử dụng thuốc sinh học và sử dụng đúng theo nguyên tắc 4 đúng.

Tăng cường hợp tác công tư giữa cơ quan quản lý, Hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng, người dân tham gia ký kết triển khai xây dựng và nhân các mô hình sử dụng thuốc BVTV sinh học hiệu quả; xây dựng các mô hình liên kết sản xuất an toàn, hiệu quả và bền vững, chú trọng đến các cây trồng có giá trị kinh tế cao, phục vụ cho xuất khẩu.

Triển khai đồng bộ "chiến dịch" truyền thông, tập huấn, hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV sinh học với sự vào cuộc của các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương, Hiệp hội, doanh nghiệp, người buôn bán và người sử dụng thuốc BVTV.

3. Nâng cao nhận thức của người dân, chủ cơ sở buôn bán, doanh nghiệp sản xuất và cán bộ địa phương

Tăng cường tổ chức đào tạo, tập huấn, truyền thông, đồng thời đa dạng hóa các hình thức truyền thông, tập huấn thông qua xây dựng các nền tảng đào tạo, ứng dụng chuyển đổi số, công nghệ số, các hội nghị, hội thảo, hướng dẫn trực tiếp, trực tuyến về sử dụng thuốc BVTV có trách nhiệm, an toàn và hiệu quả.

Xây dựng tài liệu, pano, áp phích tuyên truyền, phổ biến về vai trò, ý nghĩa của thuốc BVTV sinh học, từ đó dần nâng cao nhận thức của người dân, chủ cơ sở buôn bán, doanh nghiệp sản xuất và cán bộ địa phương trong sử dụng thuốc BVTV sinh học.

Tiếp tục ký kết với các Hiệp hội, doanh nghiệp, ngành hàng cùng tham gia tập xây dựng các chương trình tập huấn, hướng dẫn việc sử dụng các thuốc BVTV sinh học cho người dân và các cơ sở buôn bán.

4. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học và chuyển giao, ứng dụng thuốc BVTV sinh học

Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản xuất thuốc BVTV sinh học; ứng dụng, chuyển giao các công nghệ sản xuất thuốc BVTV sinh học, đặc biệt là các công nghệ sản xuất thuốc BVTV vi sinh, thuốc thảo mộc sản xuất trong nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, thay thế dần các thuốc BVTV hóa học.

Nghiên cứu các công nghệ sản xuất thuốc BVTV là lợi thế của Việt Nam như sản xuất các thuốc BVTV vi sinh, các thuốc BVTV có nguồn gốc thảo mộc.

Đầu tư từ ngân sách tập trung cho các nghiên cứu cơ bản, chiến lược, trọng điểm. Thúc đẩy xã hội hóa đầu tư cho các nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

5. Tăng cường công tác khuyến nông về sản xuất, sử dụng thuốc BVTV sinh học

Tiếp tục xây dựng và nhân rộng các mô hình canh tác an toàn, có sử dụng thuốc BVTV sinh học trên các cây trồng chủ lực, tiềm năng xuất khẩu của địa phương, các mô hình nông dân tự sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học BVTV.

Phối hợp với các địa phương, doanh nghiệp, các hiệp hội lựa chọn xây dựng hoàn thiện các mô hình sử dụng thuốc BVTV sinh học. Ưu tiên lựa chọn các cây trồng chủ lực, có giá trị kinh tế cao, có tiềm năng xuất khẩu và có nguy cơ mất an toàn do sử dụng thuốc BVTV hóa học; vùng sản xuất hữu cơ, chuyên canh**.**

Chọn các doanh nghiệp có đủ năng lực sản xuất, cung cấp các thuốc BVTV sinh học phù hợp với mô hình, có nguồn nhân lực, tài chính để hỗ trợ trong quá trình thực hiện. Bên cạnh đó có chuyên gia kỹ thuật có kinh nghiệm, kiến thức chuyên sâu về BVTV để tư vấn thực hiện mô hình.

Hàng năm, phối hợp với các cơ quan chức năng trung ương, địa phương thực hiện, giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện và xây dựng các mô hình sử dụng thuốc BVTV sinh học hiệu quả để nhân rộng trong sản xuất.

Tổ chức các lớp tập huấn, tham quan mô hình, chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, sử dụng hiệu quả thuốc BVTV sinh học.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về cơ chế chính sách

Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế để khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh và sử dụng thuốc BVTV sinh học.

Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước từ nhiều thành phần kinh tế cho phát triển sản xuất thuốc BVTV sinh học tại Việt Nam.

Ưu tiên bố trí kinh phí ngân sách cho các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tập huấn sử dụng thuốc, truyền thông và xây dựng, nhân rộng các mô hình sử dụng thuốc BVTV sinh học hiệu quả; kinh phí cho nghiên cứu, phát triển sản phẩm thuốc BVTV sinh học.

Ưu đãi các doanh nghiệp, địa phương đầu tư khai thác các nguồn nguyên liệu bản địa, nhất là các nguồn mà Việt Nam có lợi thế như các loại cây độc làm thuốc thảo mộc (ruốc cá, trầu, sở, xoan ta, xoan Ấn Độ…) hay khai thác các nguồn phụ phẩm như bã sở, hạt chè để sản xuất thuốc BVTV sinh học.

2. Về khoa học công nghệ

Chuyển giao ứng dụng công nghệ sản xuất thuốc BVTV sinh học từ các đề tài nghiên cứu để ứng dụng, đăng ký vào Danh mục.

Khuyến khích liên kết nghiên cứu, phát triển thuốc BVTV sinh học, doanh nghiệp phối hợp với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu để đầu tư nghiên cứu, phát triển thuốc BVTV sinh học mới tại Việt Nam hoặc các doanh nghiệp khoa học công nghệ được thực hiện các dự án theo hình thức hợp tác công tư trong lĩnh vực này.

Xây dựng bộ công cụ tra cứu, các nền tảng kỹ thuật, các cơ sở dữ liệu nhằm phục vụ cho công tác quản lý thuốc BVTV đồng bộ và hiệu quả từ trung ương đến địa phương.

3. Về đào tạo, tập huấn

Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn để chuyển đổi nhận thức của cán bộ địa phương, người sản xuất, kinh doanh, buôn bán và người sử dụng trong việc sử dụng thuốc BVTV sinh học.

Đổi mới phương thức hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV sinh học thông qua các mô hình thực tế, hội thảo đầu bờ. Phối hợp với chính quyền địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức đoàn thể, đại lý kinh doanh thuốc BVTV, hướng dẫn người dân kiến thức sử dụng thuốc BVTV sinh học hiệu quả.

Tăng cường công tác khuyến nông, trong đó hướng dẫn nông dân áp dụng các giải pháp khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, sử dụng thuốc BVTV sinh học có hiệu quả sử dụng cao. Hoàn thiện các nội dung, chương trình, quy trình hướng dẫn sản xuất và sử dụng thuốc BVTV sinh học hiệu quả.

4. Về thông tin, truyền thông

Tuyên truyền phổ biến việc tuân thủ thực thi các chính sách, pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các chủ trương,

chính sách của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ưu tiên trong việc phát triển sản xuất, sử dụng thuốc BVTV sinh học, đồng thời Truyền thông nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về thuốc BVTV sinh học.

Phối hợp với cơ quan báo trí, các hiệp hội, các tổ chức đoàn thể, trường, viện nghiên cứu, doanh nghiệp để tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng thuốc BVTV sinh học. Bên cạnh đó truyền thông cho nông dân nhận thức được vai trò và lợi ích của việc sử dụng thuốc BVTV sinh học.

Chủ động phối hợp với các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, nhân rộng các mô hình áp dụng có hiệu quả, hướng dẫn sử dụng các thuốc BVTV sinh học.

5. Về hợp tác công tư, xây dựng mô hình, chuỗi liên kết

Tăng cường hợp tác công tư với sự tham gia của doanh nghiệp, nhà nước, Hiệp hội ngành hàng và người dân cùng phối hợp sản xuất và sử dụng thuốc BVTV sinh học. Tăng cường mối liên kết về sản xuất vùng nguyên liệu - sản xuất thuốc thảo mộc giữa nông dân và doanh nghiệp.

Phát huy và thúc đẩy vai trò của doanh nghiệp, tăng cường mối liên kết giữa nông dân, doanh nghiệp và nhà phân phối trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, mở rộng quy mô sản xuất, hỗ trợ tích cực cho nông dân về vốn, kỹ thuật, đặc biệt là nông sản hữu cơ.

Phối hợp các hiệp hội, ngành hàng tham gia xây dựng, thực hiện mô hình sử dụng thuốc BVTV sinh học, mô hình chuỗi sản xuất liên kết, hiệu quả từ đó kết hợp các cơ quan truyền thông xây dựng kịch bản phổ biến tuyên truyền, nhân rộng các mô hình trên cả nước.

6. Về hợp tác quốc tế

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về thuốc BVTV sinh học, tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm và năng lực của các nước phát triển và các tổ chức quốc tế như FAO, WHO để phát triển thuốc BVTV sinh học; tăng cường hợp tác để chuyển giao các công nghệ mới, tiên tiến trong sản xuất thuốc BVTV sinh học từ các nước phát triển, các tổ chức quốc tế để áp dụng tại Việt Nam.

Chủ động xây dựng và thực hiện các chương trình, đề tài, dự án hợp tác quốc tế, nhất là với các nước có nền khoa học tiên tiến để thu hút đầu tư nhằm phát triển và ứng dụng có hiệu quả công nghệ sản xuất thuốc BVTV sinh học ở nước ta.

Tăng cường, mở rộng và phát triển quan hệ với các tổ chức quốc tế và các nước trên thế giới đặc biệt là các nước có nền công nghiệp thuốc BVTV phát triển và các nước có quan hệ thương mại trực tiếp với Việt Nam để tiếp cận thông tin, tăng cường năng lực cho hệ thống ngành BVTV giúp cho công tác quản lý thuốc đạt hiệu quả cao.

7. Về chuyển đổi số

Xây dựng, số hóa cơ sở dữ liệu về thuốc BVTV, đồng bộ từ trung ương đến địa phương, hỗ trợ cán bộ địa phương, doanh nghiệp, cơ sở buôn bán, người sử dụng ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý thuốc BVTV.

Nâng cấp, xây dựng các nền tảng số hỗ trợ cho công tác đào tạo, tập huấn truyền thông về sử dụng thuốc BVTV nói chung và thuốc BVTV sinh học nói riêng.

8. Về thanh tra, kiểm tra, giám sát

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với sản xuất, kinh doanh, buôn bán và sử dụng thuốc BVTV, nhất là công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý thuốc BVTV.

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các đề tài nghiên cứu, các dự án phát triển sản xuất, các mô hình sử dụng thuốc BVTV sinh học đảm bảo thực thi có hiệu quả và ứng dụng được vào quá trình sản xuất.

Tăng cường và nâng cao quản lý chất lượng các loại thuốc này trên thị trường để tránh thuốc kém chất lượng được đưa ra sử dụng làm mất lòng tin của người dân đối với thuốc BVTV sinh học.

V. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

1. Điều tra, đánh giá thực trạng nguồn vi sinh vật, thảo mộc ứng dụng trong sản xuất thuốc BVTV sinh học tại Việt Nam.

2. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất thuốc BVTV sinh học (thảo mộc và vi sinh vật) quy mô công nghiệp từ nguồn nguyên liệu bản địa phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn và hữu cơ.

3. Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sản xuất và sử dụng chế phẩm BVTV sinh học quy mô nông hộ, trang trại, hợp tác xã.

4. Nghiên cứu phát triển thuốc BVTV sinh học có khả năng kích kháng thực vật.

5. Đào tạo, tập huấn và truyền thông về phát triển sản xuất và sử dụng thuốc BVTV sinh học.

VI. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Nguồn vốn thực hiện bao gồm: ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) thông qua việc hỗ trợ xây dựng các đề án, dự án tư vấn kỹ thuật và cơ sở hạ tầng của các cơ quan, đơn vị, địa phương và lồng ghép từ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kinh phí khoa học công nghệ, khuyến nông, các dự án ODA và chương trình, dự án khác có liên quan; ngồn vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn

huy động hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao, các đơn vị thuộc Bộ có liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm và lập dự toán nhu cầu kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; các địa phương có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các hoạt động phát triển sản xuất và sử dụng thuốc BVTV sinh học tại địa phương theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Cục Bảo vệ thực vật

- Hỗ trợ và tạo điều kiện đối với các tổ chức, cá nhân mới thành lập, các cơ sở sản xuất mở rộng quy mô sản xuất thuốc BVTV sinh học hoặc chuyển đổi một phần sản xuất thuốc BVTV hóa học sang sản xuất thuốc BVTV sinh học; đồng thời hỗ trợ tối đa việc đăng ký các sản phẩm thuốc BVTV sinh học.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng công nghệ mới, tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất thuốc BVTV sinh học.

- Đề xuất, đặt hàng các hoạt động nghiên cứu, các đề tài, dự án, các hoạt động chuyển giao ứng dụng công nghệ sản xuất thuốc BVTV sinh học, đặc biệt là từ các sản phẩm chiết xuất từ thảo mộc dựa trên nguồn nguyên liệu sẵn có, thuốc BVTV có nguồn gốc vi sinh vật mà hiện nay cá tổ chức, cá nhân sản xuất thuốc BVTV sinh học đang quan tâm.

- Xây dựng tài liệu và hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp tập huấn chuyển đổi nhận thức, tư duy của người dân về vai trò, tác dụng lâu dài của việc sử dụng thuốc BVTV sinh học.

- Phối hợp với các hiệp hội tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình sản xuất, sử dụng thuốc BVTV sinh học hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp xây dựng chương trình, đề tài, dự án hợp tác quốc tế nhằm thu hút đầu tư, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về thuốc BVTV sinh học.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đặc biệt là thanh tra, kiểm tra đột xuất việc chấp hành pháp luật về sản xuất, kinh doanh, chất lượng thuốc BVTV, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV giả, kém chất lượng, thuốc BVTV không có trong Danh mục; thông báo công khai tổ chức, cá nhân vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp đánh giá, giám sát việc thực hiện Đề án. Định kỳ tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện, khó khăn, vướng mắc và phương án giải quyết nhằm đạt được mục tiêu của Đề án.

b) Cục Trồng trọt

Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương áp dụng quy trình sử dụng thuốc BVTV sinh học trong canh tác.

c) Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về nông nghiệp hữu cơ quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ; Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP.

d) Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường

- Ưu tiên phê duyệt đề tài, dự án về nghiên cứu, ứng dụng các sản phẩm thuốc BVTV sinh học; kinh phí để xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn về phương pháp thử đối với các thuốc BVTV là vi sinh vật, vi rút, thảo mộc.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đề xuất danh mục đề tài, dự án nghiên cứu, chuyển giao công nghệ nhằm phát triển sản xuất và sử dụng thuốc BVTV sinh học.

e) Trung tâm Khuyến nông quốc gia

- Tổ chức liên quan thực hiện các dự án khuyến nông về sản xuất nông nghiệp sử dụng thuốc BVTV sinh học. Ứng dụng, chuyển giao và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế ở từng địa phương.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV sinh học trong sản xuất nông nghiệp.

g) Các đơn vị nghiên cứu

- Chủ động đề xuất và tổ chức nghiên cứu các biện pháp làm giảm thiểu việc sử dụng thuốc BVTV hóa học, nghiên cứu, ứng dụng các thuốc BVTV sinh học vào trong sản xuất nông nghiệp.

- Phối hợp với các doanh nghiệp, nhà sản xuất xây dựng tiêu chuẩn phương pháp thử đối với các thuốc BVTV sinh học là vi sinh vật, thảo mộc.

- Đề xuất các chương trình điều tra, giám sát việc sử dụng thuốc BVTV tại các vùng trồng trọng điểm, đặc biệt đối với các cây trồng có giá trị kinh tế cao, có tiềm năng xuất khẩu.

h) Các Cục, Vụ, Viện và các đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật và các đơn vị liên quan triển khai các hoạt động nhằm thực hiện hiệu quả Đề án.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh/thành phố

a) Xây dựng các chương trình, dự án, kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của đề án; quản lý chặt chẽ việc buôn bán, sử dụng, chúng nhận hợp quy thuốc BVTV tại địa phương theo quy định.

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn về thuốc BVTV, đặc biệt là hướng dẫn người dân kiến thức sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả. Trong quá trình chỉ đạo sản xuất chú trọng sử dụng thuốc BVTV sinh học, chỉ sử dụng thuốc hóa học khi cần thiết.

c) Đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực thuốc BVTV, trong nông nghiệp hữu cơ. Tuyên truyền sử dụng thuốc BVTV sinh học, nâng cao nhận thức của người dân về việc sử dụng thuốc BVTV sinh học.

d) Hỗ trợ và tạo mối liên kết doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm với người nông dân.

e) Triển khai, nhân rộng các mô hình sản xuất sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học có hiệu quả trên các loại cây trồng chủ lực tại địa phương.

g) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV tại địa phương; phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc BVTV giả, kém chất lượng.

h) Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện đề án phát triển sản xuất và sử dụng thuốc BVTV sinh học tại địa phương; tổng hợp và báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình thực hiện đề án.

3. Các doanh nghiệp, Hiệp hội

a) Các doanh nghiệp

- Chủ động xây dựng, tổ chức áp dụng các mô hình, chuỗi liên kết hiệu quả trong sản xuất, sử dụng thuốc BVTV sinh học.

- Tổ chức truyền thông, hội nghị, hội thảo, tập huấn, khuyến khích nông dân tham gia sản xuất, sử dụng thuốc BVTV sinh học, chuỗi liên kết sản xuất phù hợp với điều kiện từng vùng, địa phương.

- Tăng cường nghiên cứu, sản xuất, ứng dụng các sản phẩm thuốc BVTV sinh học hiệu quả vào trong sản xuất nông nghiệp

- Cải thiện, nâng cao chất lượng hệ thống phân phối nhằm cung cấp tại chỗ, giá thành hợp lý.

b) Hiệp hội

- Vận động, hướng dẫn doanh nghiệp thành viên từng bước chuyển dần một phần sang sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV sinh học. Tăng cường phối hợp với các tổ chức quốc tế, các Hiệp hội ngành hàng khác chuyển giao, nghiên cứu sản xuất và sử dụng các thuốc BVTV sinh học.

- Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV sinh học và thực hiện các nội dung của đề án.

- Tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực có tiềm năng về sản xuất thuốc BVTV sinh học để liên kết, chuyển giao các sản phẩm sinh học thế hệ mới, hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh/ thành phố trực thuộc TƯ;
- Các Thứ trưởng;
- Sở NN và PTNT các tỉnh/TP trực thuộc TƯ;
- Các Hiệp hội: VIPA, Croplife VN, Hacas;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Bộ NN và PTNT;
- Lưu: VT, BVTV.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Hoàng Trung